

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức,  
thành phố Trà Vinh (điều chỉnh quy hoạch chung  
nông thôn mới xã Long Đức)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính Phủ Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016- 2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh quy mô đô thị loại II đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 21/02/2012 của UBND thành phố Trà Vinh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới (mạng lưới điểm dân cư) xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Công văn số 655/UBND-KTKT ngày 27/3/2019 của UBND thành phố Trà Vinh về việc chấp thuận chủ trương lập Quy hoạch chung xây

dựng xã Long Đức (điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Long Đức);

Căn cứ Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND thành phố Trà Vinh về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức, (điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Long Đức);

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 13/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã Long Đức về việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (Điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới xã Long Đức) và Báo cáo kết quả thẩm định số 07/KTHT-TĐ ngày 01/7/2019 của Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Long Đức), với các nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới xã:**

- a) Vị trí: Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- b) Ranh giới lập quy hoạch chung: Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, với tứ cận như sau:
  - Phía Bắc: Giáp sông Cổ Chiên.
  - Phía Nam: Giáp phường 1, phường 7 và xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành.
  - Phía Tây: Giáp xã Đại Phước, huyện Càng Long.
  - Phía Đông: Giáp phường 4 và xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành.
- c) Quy mô: diện tích tự nhiên của xã Long Đức khoảng 3.908,52 ha.

#### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:**

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Trà Vinh.
- Phù hợp với các tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020 được ban hành tại Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh trà vinh giai đoạn 2016- 2020.
- Đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.
- Phù hợp theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Trà Vinh trong thời gian tới, đáp ứng Tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới.
- Làm cơ sở quản lý trật tự xây dựng, thu hút kêu gọi đầu tư, xây dựng trên địa bàn.

- Tính chất là xã thuộc thành phố Trà Vinh đáp ứng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, là xã ngoại thành của đô thị, đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển dân cư, nông nghiệp, dịch vụ - thương mại và công nghiệp,...

### 3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

#### a) Quy mô dân số:

- Hiện nay trên địa bàn xã Long Đức có 18.363 người (nhân khẩu), tương ứng 4.682 hộ; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1% và tỷ lệ tăng cơ học khoảng 0,5%. Theo đó, dân số đến năm 2025 dự báo là: 20.000 người.

- Dân số đến năm 2030 dự báo là: 21.500 người.

#### b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật...):

Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện thực tế nhu cầu tại địa phương, đảm bảo không nhỏ hơn chỉ tiêu quy định theo bảng sau:

#### Chỉ tiêu đất xây dựng điểm dân cư:

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất m <sup>2</sup> /người
1. Đất ở (các lô đất ở gia đình)	40 - 50
2. Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng	10 - 12
3. Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	10 - 12
4. Đất cây xanh công cộng	6 - 9
5. Đất nông, lâm ngư nghiệp, đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ sản xuất	Theo quy hoạch phát triển ngành

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (áp dụng theo Tiêu chuẩn đô thị loại II):

+ Cấp nước sinh hoạt:  $\geq 120$  lít/người/ngày, tỷ lệ dân số được cấp nước  $\geq 90\%$ .

+ Cấp điện: 750Kwh/người.năm.

+ Cao độ xây dựng trung bình:  $\geq 2,3$  m (cao độ Quốc gia, theo quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh).

+ Lượng chất thải rắn phát sinh: 1kg/người- ngày; Tỷ lệ thu gom CTR  $\geq 95\%$ .

- Các chỉ tiêu đảm bảo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD về quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 14: 2009/BXD về

quy hoạch xây dựng nông thôn; các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành và đáp ứng Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 và có tham khảo các chỉ tiêu, yêu cầu trong Tiêu chuẩn quy hoạch nông thôn...

#### **4. Định hướng tổ chức không gian xã:**

4.1. Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản; quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình như hộ sản xuất nông nghiệp; hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp; hộ thương mại, dịch vụ trong toàn xã:

- Chỉ tiêu đất xây dựng đối với xã nông thôn mới Long Đức thuộc xã ngoại thành của thành phố Trà Vinh (thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long) nên đề xuất chỉ tiêu đất ở  $\geq 120\text{m}^2/\text{người}$  (giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025) và chỉ tiêu đất ở  $\geq 150\text{m}^2/\text{người}$  (giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030)

Ngoài ra còn có một số chỉ tiêu cơ bản gồm (theo QCVN 14:2009):

- Trụ sở cơ quan xã: diện tích đất  $\geq 1000\text{ m}^2$ , định mức sử dụng tối thiểu  $500\text{ m}^2$ .

- Nhà trẻ, trường mầm non; Trường học phổ thông: phải được bố trí đảm bảo bán kính và quy mô số học sinh, bán kính phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Trạm y tế: diện tích đất  $\geq 500\text{ m}^2$  (không có vườn thuốc) và diện tích đất  $\geq 1000\text{ m}^2$  (có vườn thuốc) và đạt chuẩn quốc gia.

- Trung tâm văn hóa, thể thao: diện tích đất tối thiểu nhà văn hóa xã  $\geq 2000\text{ m}^2$  đảm bảo phù hợp theo tiêu chuẩn của Bộ VHTTDL.

- Phòng truyền thống, lịch sử: diện tích đất  $\geq 200\text{ m}^2$ .

- Thư viện, phòng đọc: diện tích  $\geq 200\text{ m}^2$ .

- Hội trường:  $\geq 100$  chỗ ngồi.

- Cụm các công trình phục vụ thể thao đa năng: diện tích đất  $\geq 4000\text{ m}^2$ .

- Điểm bưu chính viễn thông:  $\geq 150\text{ m}^2/\text{điểm}$ .

- Khoảng cách ly vệ sinh khu vực chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp đến nhà ở  $> 200\text{m}$ .

4.2. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản. Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và thôn, bản:

- Định hướng khu trung tâm xã Long Đức được kết hợp với khu di tích lịch sử đền thờ Bác và được bố trí các công trình dịch vụ công cộng quan trọng như: Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã; các công trình công cộng bao gồm: nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, trung

tâm văn hóa - thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông.....

- Định hướng khu dân cư mới: từng bước hình thành các khu dân cư mới phù hợp đô thị thành phố Trà Vinh, trước mắt khu dân cư tại ấp Sa Bình xã Long Đức....các khu dân cư, điểm dân cư trên địa bàn xã từng bước được cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp.

- Định hướng quy hoạch cây xanh, mặt nước:

+ Cây xanh trong các điểm dân cư nông thôn bao gồm cây xanh, vườn hoa công cộng; vườn cây tập trung như cây ăn quả, cây thuốc, vườn ươm; cây xanh cách ly tại các khu sản xuất, công trình sản xuất tập trung.

+ Cây xanh, vườn hoa nên được trồng tại khu trung tâm xã và quanh các công trình công cộng, công trình văn hóa, lịch sử.

+ Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng từ 6 - 9 m<sup>2</sup>/người.

+ Trồng cây xanh ở các điểm dân cư nông thôn phải kết hợp chặt chẽ giữa lợi ích kinh tế với các yêu cầu cải thiện môi trường sinh thái, kết hợp với quy hoạch trồng cây phòng hộ, cây chống xói mòn và bạc màu đất.

+ Cây xanh trong khuôn viên các hộ gia đình cần phù hợp với hướng nhà, để đảm bảo thoáng mát, che chắn nắng, phù hợp điều kiện đất đai và bản sắc của địa phương.

+ Ven đường trục xã, liên xã, đường từ xã tới thôn cần trồng ít nhất một hàng cây bóng mát cho thu hoạch gỗ hoặc hoa quả. Đảm bảo mật độ cây xanh trong khu trung tâm xã và trong các công trình văn hóa, di tích lịch sử.

+ Xung quanh khu sản xuất, các công trình sản xuất gây bụi, phát ra tiếng ồn hoặc có mùi cần trồng dây cây xanh cách ly.

+ Nên trồng cây có thân cao, tán lớn, lá dày xen kẽ với cây bụi để tăng khả năng cách ly vệ sinh.

+ Không được trồng cây có nhựa độc, cây hoa quả có hấp dẫn ruồi muỗi, cây có gai trong trường học, trạm y tế. Cần trồng các loại cây bóng mát và tác dụng làm sạch không khí.

+ Cần tận dụng mặt nước ao, hồ, sông suối để tạo môi trường sinh thái và làm nơi điều hòa thoát nước mặt khi cần thiết. Đối với các ao, hồ tù đọng phải được cải tạo để tạo lập không gian cảnh quan, sinh thái đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường.

- Phân bố dân cư như sau: Phân bố dân cư theo từng ấp, phù hợp tập quán sinh hoạt, quản lý, nuôi trồng, sản xuất nông nghiệp, phát triển đô thị; gồm:

+ Điểm dân cư số 1 (thuộc ấp Rạch Bèo): Diện tích đất ở khoảng 12,02ha chiếm tỷ lệ khoảng 10,2% diện tích của ấp, dân số khoảng 801 người chiếm 4% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 2 (thuộc ấp Long Đại): Diện tích đất ở khoảng 27,33ha chiếm tỷ lệ khoảng 9,8% diện tích của ấp, dân số khoảng 1.822 người chiếm 9% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 3 (thuộc ấp Kinh Lớn): Diện tích đất ở khoảng 16,94ha chiếm tỷ lệ khoảng 4,3% diện tích của ấp, dân số khoảng 1.129 người chiếm 5% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 4 (thuộc ấp Vĩnh Hội): Diện tích đất ở khoảng 26,93ha chiếm tỷ lệ khoảng 12,3% diện tích của ấp, dân số khoảng 1.795 người chiếm 8% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 5 (thuộc ấp Vĩnh Hưng): Diện tích đất ở khoảng 32,49ha chiếm tỷ lệ khoảng 4,8% diện tích của ấp, dân số khoảng 2.166 người chiếm 10% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 6 (thuộc ấp Vĩnh Yên): Diện tích đất ở khoảng 37,13ha chiếm tỷ lệ khoảng 11,1% diện tích của ấp, dân số khoảng 2.475 người chiếm 12% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 7 (thuộc ấp Sa Bình): Diện tích đất ở khoảng 56,63ha chiếm tỷ lệ khoảng 58% diện tích của ấp, dân số khoảng 3.775 người chiếm 18% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 8 (thuộc ấp Công Thiện Hùng): Diện tích đất ở khoảng 27,83ha chiếm tỷ lệ khoảng 4,2% diện tích của ấp, dân số khoảng 1.855 người chiếm 9% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 9 (thuộc ấp Huệ Sanh): Diện tích đất ở khoảng 17,75ha chiếm tỷ lệ khoảng 5,2% diện tích của ấp, dân số khoảng 1.183 người chiếm 6% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 10 (thuộc ấp Hòa Hữu): Diện tích đất ở khoảng 10,35ha chiếm tỷ lệ khoảng 3,7% diện tích của ấp, dân số khoảng 690 người chiếm 3% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 11 (thuộc ấp Phú Hòa): Diện tích đất ở khoảng 30,23ha chiếm tỷ lệ khoảng 14% diện tích của ấp, dân số khoảng 2.015 người chiếm 9% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Điểm dân cư số 12 (thuộc ấp Long Trị): Diện tích đất ở khoảng 25,56ha chiếm tỷ lệ khoảng 9,4% diện tích của ấp, dân số khoảng 1.704 người chiếm 8% dân số xã (dự báo đến năm 2030), còn lại là đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Ngoài ra, đặc thù xã Long Đức có Khu công nghiệp nên có các khu ở phục vụ tập trung cho lao động việc làm thuộc Khu công nghiệp, trong giai đoạn dự báo quy hoạch còn có các khu dân cư xây dựng mới, cụm công nghiệp...

**BẢNG THÔNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ VÀ ĐẤT ĐAI  
THEO TỪNG ĐIỂM DÂN CƯ**

STT	ĐIỂM DÂN CƯ	HIỆN TRẠNG NĂM 2019		DỰ BÁO ĐẾN NĂM 2030
		Diện tích tự nhiên/ diện tích đất ở (ha)	Dân số (người)/ so tỷ lệ toàn xã	Diện tích đất ở (ha)
1.	Điểm dân cư số 1 (thuộc ấp Rạch Bèo)	132,2/ 4,47	691 / 3,67 %	12,02
2.	Điểm dân cư số 3 (thuộc Long Đại)	196,3/ 6,26	964 / 5.25 %	27,33
3.	Điểm dân cư số 2 (thuộc ấp Kinh Lớn)	514,8/ 10,11	1.558 / 8.48 %	16,94
4.	Điểm dân cư số 4 (thuộc Vĩnh Hội)	384,2/ 10,01	1.542 / 8.40 %	26,93
5.	Điểm dân cư số 5 (thuộc Vĩnh Hưng)	276,9/ 12,07	1.858 / 10.12 %	32,49
6.	Điểm dân cư số 6 (thuộc Vĩnh Yên)	167,3/ 13,78	2.123 / 11.56 %	37,13
7.	Điểm dân cư số 7 (thuộc Sa Bình)	455,7/ 21,02	3.236 / 17.62 %	56,63
8.	Điểm dân cư số 8 (thuộc Công Thiện Hùng)	251,8/ 10,35	1.591 / 8.66 %	27,83
9.	Điểm dân cư số 9 (thuộc Huệ Sanh)	180/ 6,61	1.018/ 5.54 %	17,75
10.	Điểm dân cư số 10 (thuộc Hòa Hữu)	127/ 3,83	591 / 3.22 %	10,35
11.	Điểm dân cư số 11 (thuộc Phú Hòa)	265,3/ 11,22	1.729 / 9.42 %	30,23
12.	Điểm dân cư số 12 (thuộc Long Trị)	954,8/ 9,5	1.462 / 7.96 %	25,56
		<b>3.908,52 / 119,21ha</b>	<b>18.363 người / 100%</b>	<b>321,19ha</b>

4.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, ấp:

- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiết kiệm khai thác hiệu quả đất đai, đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống, sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn xã.

- Phối hợp chặt chẽ với các quy hoạch chuyên ngành, dự án có liên quan trên địa bàn về quy hoạch ngành, sản xuất, giao thông, thủy lợi, phát triển đô thị...

- Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển cho các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn đến năm 2030.

- Từng bước chỉnh trang và cải tạo các điểm dân cư hiện hữu phù hợp trên cơ sở hiện trạng và đặc trưng phong tục tập quán, truyền thống của người dân.

- Định hướng bố trí thêm khu dân cư mới Long Đức, các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân Khu công nghiệp,...

- Xã Long Đức được định hướng không gian tạo thành bởi các chức năng chính trên địa bàn bao gồm:

+ Các điểm dân cư theo 12 ấp trên địa bàn như trên đã trình bày.

+ Khu dân cư Long Đức: quy mô diện tích khoảng 7,25ha, đây là khu dân cư xây dựng mới đảm bảo chức năng đơn vị ở như nhà ở, công trình công cộng cấp đơn vị ở, giao thông nội bộ phục vụ khu ở, cây xanh cảnh quan... đảm bảo đấu nối hạ tầng ngoài hàng rào chung trên địa bàn.

+ Khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân Khu công nghiệp,....

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ địa bàn xã Long Đức nói riêng và cấp đô thị nói chung như: Nhà máy sản xuất nước sạch Láng Thè, thành phố Trà Vinh, quy mô diện tích 13,19ha; đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp nước cho địa bàn; hạ tầng kỹ thuật khác.

+ Khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (khu 1: 39ha, khu 2: 11,28ha), đây là khu vực thu hút kêu gọi đầu tư đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ...

- Khu trung tâm xã: gồm các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư chỉnh trang, khu dân cư xây dựng mới...; hệ thống công trình hành chính, công trình công cộng cấp xã, công trình di tích lịch sử đền thờ Bác.... Đáp ứng theo Tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Bố trí xây dựng các khu vui chơi 07/12 ấp tiếp giáp nhà văn hóa thuộc ấp Kinh Lớn, Long Trị, Sa Bình, Công Thiện Hùng, Huệ Sanh, Phú Hòa, diện tích khoảng 300 m<sup>2</sup>/ấp.



- Xây dựng nâng cấp mở rộng chợ Ba Trường (8ha), chợ Sóc Ruộng (0,8ha).

- Định hướng bố trí khu vực kêu gọi đầu tư vào dịch vụ- thương mại- dân cư đoạn từ cầu Ba Trường đến công Láng Thê tiếp giáp phía Tây đường Trương Văn Kinh.

4.4. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, bản cũ. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương:

- Các khu chức năng trong điểm dân cư nông thôn bao gồm:

+ Khu ở (nhà ở và các công trình phục vụ trong ấp, xóm).

+ Khu trung tâm xã, các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất.

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật của xã.

+ Công trình hạ tầng xã hội của xã.

- Yêu cầu đối với phân khu chức năng trong quy hoạch điểm dân cư nông thôn:

+ Phân chia các khu chức năng trên địa bàn xã Long Đức đảm bảo hợp lý về giao thông đi lại, sản xuất, giải trí, sinh hoạt cộng đồng và bảo vệ môi trường sống.

+ Bán kính phục vụ tối đa đối với các điểm dân cư nông thôn là 5km.

+ Các công trình sản xuất nông nghiệp và phục vụ sản xuất không bố trí trong khu ở.

+ Lô đất của mỗi gia đình nông nghiệp bao gồm không gian phục vụ sinh hoạt, không gian phát triển sản xuất theo mô hình vườn- ao- chuồng với tỷ lệ diện tích phù hợp theo nhu cầu phục vụ.

+ Khoảng cách từ nhà ở (chỉ riêng chức năng ở) tới các khu chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải đảm bảo khoảng cách >200 m; các hộ gia đình phải xây dựng hố tự hoại đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

+ Chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khuôn viên lô đất hộ gia đình (nếu có) phải đặt cách xa nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và cuối hướng gió, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định hướng bố trí các khu vực dân cư tập trung dọc các tuyến giao trên địa bàn xã; Ngoài ra, các khu dân cư, nhà ở dọc các trục đường chính, trung tâm xã, khu vực đô thị hóa cao được định hướng bố trí xây dựng, quản lý theo quy hoạch chung đô thị thành phố Trà Vinh.

4.5. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Đảm bảo tiềm năng định hướng phát triển ngành của thành phố Trà Vinh.

- Định hướng các cơ sở sản xuất:

+ Cụm công nghiệp Sa Bình, thành phố Trà Vinh, quy mô diện tích 32,58ha thuộc ấp Sa Bình xã Long Đức, đây là khu vực tập trung với các ngành nghề sản xuất công nghiệp phụ trợ, gia công sản phẩm, may mặc, đồ da, sản xuất giày da, vật liệu xây dựng....

+ Khu công nghiệp Long Đức đã và đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy trên 95% và các dịch vụ phục vụ KCN như nhà ở xã hội, khu nhà ở công nhân, chợ...

- Diện tích khu đất xây dựng cho một số công trình phục vụ sản xuất được quy định như sau:

+ Sân thu hoạch: 35- 45 m<sup>2</sup>/ha đất canh tác.

+ Kho thóc: 2-3 m<sup>2</sup>/tấn thóc.

+ Kho phân hóa học: 0,5- 1 m<sup>2</sup>/ha đất canh tác.

+ Trạm thú y xã: 440- 500 m<sup>2</sup>.

- Ngoài ra diện tích xây dựng các trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tham thảo quy định trong Tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định hiện hành.

- Duy trì mô hình trồng hoa ở ấp Vĩnh Yên, Sa Bình...

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao; tiếp tục phát triển mô hình trồng rau trong nhà lưới, vùng chuyên canh rau an toàn, rau sạch, làng nghề hoa kiểng.

- Triển khai khuyến khích nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch ngành, tiềm năng sản xuất tận dụng diện tích mặt nước đáp ứng nhu cầu sản xuất, phục vụ, vệ sinh môi trường trên địa bàn.

- Bố trí dọc sông Cổ Chiên đất phục vụ sản xuất kinh doanh VLXD đoạn từ cầu Long Đại đến cống Láng Thè.

- Bố trí khu vực kêu gọi đầu tư dịch vụ- thương mại- dân cư giáp sông Láng Thè đoạn từ cầu Ba Trường đến cống Láng Thè phía Tây đường Trương Văn Kính.

## **5. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **5.1. Định hướng quy hoạch san nền:**

- Tận dụng địa hình tự nhiên của xã Long Đức, hạn chế khối lượng đào đắp, bảo vệ hệ thống cây xanh lâu năm và đất màu mỡ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tiến hành san lấp đối với công trình, dự án đầu tư xây dựng đảm bảo cao độ trung bình của thành phố Trà Vinh ( $\geq 2,3m$ ) và theo cao độ được xác định tại từng khu vực cụ thể.

- Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn, nước không bị tù, ứ đọng hoặc không bị ngập lụt gây thất thoát và phá hoại mùa màng, thủy hải sản. Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương. Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đắp đê chắn sóng, ngăn lũ hay đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn, đời sống người dân ổn định hơn.

### 5.2. Định hướng quy hoạch thoát nước mưa:

- Khu đất quy hoạch cao độ nền hiện nay tương đối thấp, chịu ảnh hưởng của mức triều kênh rạch và hiện nay phần lớn diện tích được bảo vệ không bị ngập lụt nhờ hệ thống đê bao là đường tỉnh 915B; và riêng xã Long Đức là xã ngoại thành của thành phố Trà Vinh nên sẽ bị đô thị hóa một số khu vực bên cạnh phần lớn là khu vực nông thôn; từ đó định hướng quy hoạch như sau:

- Chọn cao độ xây dựng trung bình  $\geq 2,3\text{m}$ .

- Thoát nước mặt tự nhiên theo địa hình thoát vào hệ thống kênh rạch chảy về sông Láng Thέ, sông Cổ Chiên và theo khu vực có hệ thống thu gom nước theo hệ thống tuyến giao thông

- Giai đoạn ngắn hạn, đối với trục đường chính, các khu dân cư xây dựng mới, khu vực đô hóa nước mưa được thu gom từ các mặt đường chảy vào hệ thống cống rãnh, các khu dân cư nông thôn sử dụng mương hở BTCT, khu đất trống, đất nông nghiệp nước mưa thoát tự nhiên theo bề mặt địa hình ra hệ thống kênh rạch và ra sông Láng Thέ, sông Cổ Chiên.

### 5.3. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông:

Trên cơ sở quy hoạch chung thành phố Trà Vinh- đô thị loại II; định hướng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; định hướng tổ chức không gian như hồ sơ này đã thực hiện; Giao thông đối ngoại, liên khu vực định hướng thiết kế đạt tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị (theo quy hoạch chung thành phố Trà Vinh) và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường ô tô cấp IV theo TCVN 4050-2005:

**BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG**

STT	TÊN ĐƯỜNG	KÝ HIỆU	LỘ GIỚI	MẶT CẮT (m)	GHI CHÚ
1.	30 tháng 4	MC 1-1	28m	3-10-2-10-3	<i>CẬP NHẬT THEO BẢN</i>
2.	Vũ Đình Liệu	MC 2-2	28m	11-6-11	
3.	Võ Văn Kiệt	MC 3-3	34m	13,5-7-13,5	

4.	Bùi Hữu Nghĩa	MC 2-2	28m	11-6-11	<i>ĐỒ QH GIAO THÔNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG TPTV- LOẠI II</i>
5.	Nguyễn Trung Trực	MC 4-4	15m	5,5-4-5,5	
6.	Trần Văn Ân	MC 5-5	28m	6-16-6	
7.	Đường quy hoạch D4	MC 6-6	34m	10-14-10	
8.	Hồ Thị Nhâm	MC 9-9	12m	4.25-3,5- 4.25	
9	Trần Thành Đại	MC 8-8	19,5m	6-7,5-6	
10.	Trương Văn Kinh	MC 2-2	28m	11-6-11	
11.	Nguyễn Tấn Liêng	MC 10-10	16m	4,5-7-4,5	
11.	Các tuyến đường nông thôn phục vụ giao thông ấp, xóm, đường ra đồng, các tuyến giao thông dọc kênh....	MC 7-7	6m	1-4-1	

#### 5.4. Định hướng quy hoạch cấp nước:

- QCXDVN 01:2008/BXD quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy chuẩn xây dựng.
- TCXDVN 33:2006 cấp nước - mạng lưới cấp nước và công trình bên trong - tiêu chuẩn xây dựng.
- Các văn bản hiện hành có liên quan đến khu quy hoạch.
- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt:  $\geq 120$  lít/người/ngày, tỷ lệ dân số được cấp nước  $\geq 90\%$ .
- Dự báo nhu cầu dùng nước giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025: 2.400 m<sup>3</sup>/ng.đ.
- Dự báo nhu cầu dùng nước giai đoạn dài hạn đến năm 2030: 2.600 m<sup>3</sup>/ng.đ.
- Bố trí sử dụng hệ thống cấp nước theo quy hoạch chung thành phố Trà Vinh, đảm bảo cấp nước theo giai đoạn quy hoạch ngắn hạn đến năm 2025, và quy hoạch dài hạn đến năm 2030. Chất lượng cấp nước đảm bảo phù hợp theo QCVN 01:2009/BYT về chất lượng nước ăn uống và QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.
- Nguồn cung cấp nước sinh hoạt: xã được cấp nước thô từ xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành công suất 25.500 m<sup>3</sup>/ng.đ và dẫn về Công ty cấp nước (nhà máy nước thành phố Trà Vinh) đặt tại phường 6 xử lý cung cấp cho thành phố Trà Vinh nói chung trong đó có xã Long Đức; về lâu dài khi nhà máy nước Láng Thè đi vào hoạt động sẽ sử dụng nguồn cấp từ nhà máy nước sạch Láng Thè.

- Sử dụng mạng lưới cấp nước kết hợp mạng vòng và mạng cụt để đảm bảo cấp nước liên tục đến các điểm dùng nước.

- Hệ thống cấp nước đảm bảo cấp nước đến các đối tượng sử dụng nước và cho chữa cháy.

- Sử dụng ống HDPE loại D110, D90 cho toàn mạng lưới và các phụ kiện đi kèm; Các trụ chữa cháy D100 bố trí dọc trên các tuyến ống nhằm đảm bảo cho cấp nước chữa cháy; Các tuyến ống đi qua đường giao thông đều sử dụng ống lồng BTCT D400

- Mạng lưới đường ống được chôn sâu dưới vỉa hè hoàn thiện 0,8-1,5m cách mép nhà 0,5m.

- Sử dụng các van khóa đặt ở đầu và cuối tuyến thuận tiện cho sửa chữa, xả cặn, đấu nối... và mở rộng hệ thống về sau.

- Đầu các tuyến ống nhánh lắp các van khóa để thuận tiện cho sửa chữa và điều chỉnh áp lực.

- Dự báo chiều dài hệ thống ống cấp nước trên địa bàn xã Long Đức (bố trí dọc các tuyến giao thông chính) là 37.500 m dài, đảm bảo kết nối các khu vực sử dụng nước.

#### 5.5. Định hướng quy hoạch cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện: 750Kwh/người.năm.

- Nhu cầu điện phục vụ sản xuất công nghiệp, kho tàng: từ 50-350 kw/ha.

- Hệ thống chiếu sáng đường cho các điểm dân cư nông thôn, đáp ứng độ chói trung bình trên mặt đường 0,2- 0,4 Cd/m<sup>2</sup>, độ rọi trung bình trên mặt đường 5-8 Lx.

- Dự báo nhu cầu điện Cụm công nghiệp Sa Bình điện năng 19.000 MWH, công suất 5.000 KW.

- Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh sẽ xây dựng trạm 110/22KV-40MVA Long Đức và nâng công suất trạm Trà Vinh từ (2x40)MVA lên (40+63) MVA, đảm bảo cung cấp điện đầy đủ cho toàn vùng 1, trong đó có xã Long Đức

- Theo đó, định hướng quy hoạch cấp điện xã Long Đức thực hiện trên cơ sở quy hoạch ngành điện đã được phê duyệt theo Quyết định số 1490/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ Công thương quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp các trạm sau các trạm 110Kv.

- Định hướng bố trí hệ thống lưới điện cao áp đúng theo quy hoạch chi tiết điện thành phố Trà Vinh đã được phê duyệt.

5.6. Định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Tỷ lệ thu gom nước thải tối thiểu 80% lượng nước cấp để xử lý trên cơ sở hệ thống thoát nước đáp ứng yêu cầu thoát và vệ sinh, sử dụng bể xí tự hoại hoặc hố xí hai ngăn hợp vệ sinh, xây dựng hệ thống cống mương có tấm đan hoặc mương hở để thoát nước chung.

- Tiêu chuẩn nước thải đáp ứng theo quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT và nước thải công nghiệp, sản xuất phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt:  $\geq 120$  lít/người/ngày; Chỉ tiêu rác thải 1,2kg/người

- Tính toán trên cơ sở dự báo quy mô dân số giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025: 20.000 người và giai đoạn dài hạn đến năm 2030: 21.500 người.

- Tổng lượng nước thải dự báo giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025:  $2.400 \text{ m}^3/\text{ng.đ} * 80\% = 1920 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ ; Rác thải ước khoảng 24 tấn/ngày.

- Dự báo nhu cầu dùng nước giai đoạn dài hạn đến năm 2030:  $2.570 \text{ m}^3/\text{ng.đ} * 80\% = 2056 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ ; Rác thải ước khoảng 26 tấn/ngày.

- Các điểm dân cư nông thôn nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ theo từng hộ gia đình trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải vào các mương và thoát nước chung nước mưa, nếu dọc các khu chưa có hệ thống thu gom thì xử lý cục bộ đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Các khu dân cư xây dựng mới, Khu sản xuất, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... bố trí hệ thống xử lý nước thải theo quy định đạt chuẩn A trước khi thải ra môi trường chung.

- Bố trí hệ thống thu gom nước thải theo từng khu vực các tuyến dân cư nông thôn, khu vực xa trung tâm nước thải sau khi đã được xử lý vệ sinh môi trường theo quy định thải ra môi trường theo tự nhiên theo nền tự nhiên thấm thấu vào hệ thống kênh rạch hoặc đối với nước thải dọc khu trung tâm, khu dân cư dọc các tuyến giao thông chính được xử lý cục bộ thu gom chảy vào hệ thống thu gom nước thải bố trí dọc các tuyến giao thông và dẫn vào hệ thống thoát nước thành phố Trà Vinh dẫn về nhà máy xử lý nước thải tại Hòa Thuận, Châu Thành, Trà Vinh xử lý theo quy định.

b. Quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

- Sử dụng hình thức tổ hợp vườn, ao, chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân hủy, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Hình thành các hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc các hình thức khác để thực hiện thu gom chất thải rắn vô cơ từ các ấp tới các trạm trung chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của xã hoặc cụm xã; Riêng đối với xã Long Đức sẽ được

trung chuyên hằng ngày lên khu xử lý rác tập trung tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Rác thải ước khoảng 24 tấn/ngày (giai đoạn ngắn hạn 2025); Rác thải ước khoảng 26 tấn/ngày (giai đoạn dài hạn đến năm 2030).

- Sử dụng thùng đựng rác công cộng làm bằng chất liệu nhựa HDPE được làm từ nhựa nguyên sinh là thành phần chính trong sản xuất túi nilon, ống nhựa, rất thân thiện với môi trường, có tính dẻo, chất liệu nhẹ, nhìn bóng đẹp, chịu va đập cơ học khá tốt, chịu được thời tiết hoặc sử dụng thùng rác ngoài trời A37-S thép phun sơn có kích cỡ (L)950mm x (W)400mm x (H)1000mm với 2 ngăn phân loại rác đặt cố định một số khu công cộng khác.

- Rác thải hằng ngày được đơn vị thu gom vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử lý theo quy định.

### c. Nghĩa trang:

Hiện nay trên địa bàn xã Long Đức có nghĩa trang liệt sĩ và một vài khu mộ chôn cất rải rác theo hộ gia đình và từng bước thành phố Trà Vinh đang thực hiện kêu gọi đầu tư vào hoa viên nghĩa trang thành phố Trà Vinh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

\*. Riêng khu vực thuộc cù lao Long Trị nằm trong quy hoạch phân khu sẽ thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt.

## 6. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực

- Ưu tiên thu hút kêu gọi đầu tư trên địa bàn xã Long Đức, đặc biệt như dự án khu nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Ưu tiên đầu tư nâng chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới; xây dựng các khu vui chơi 07/12 áp tiếp giáp nhà văn hóa thuộc ấp Kinh Lớn, Long Trị, Sa Bình, Công Thiện Hùng, Huệ Sanh, Phú Hòa.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất như các tuyến giao thông ven kênh rạch, tuyến giao thông nông thôn.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông như: đầu tư các tuyến giao thông trên địa bàn xã Long Đức theo quy hoạch chung định hướng nhằm kết nối trung tâm thành phố Trà Vinh, kết nối liên vùng đảm bảo phát triển đô thị hóa mạnh cho xã Long Đức.

- Nhu cầu vốn đầu tư được xác định cụ thể theo chương trình phát triển đô thị thành phố Trà Vinh và theo kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn trên địa bàn thành phố Trà Vinh, nhu cầu đầu tư phục vụ sản xuất xã Long Đức.

- Nguồn lực thực hiện: Kêu gọi nguồn lực từ tổ chức, cá nhân, xã hội hóa đầu tư cho giao thông, điện, cấp thoát nước, khu dân cư, công nghiệp; Lồng ghép sử dụng các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, xây dựng phát triển đô thị thành phố Trà Vinh; Huy động mọi

nguồn lực đầu tư bằng nhiều hình thức, sử dụng vốn ngân sách cho các chương trình, dự án cấp thiết phục vụ nhu cầu của cộng đồng dân cư; Tập trung nguồn lực đầu tư phục vụ sản xuất, phát triển xã Long Đức.

**7. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:** ban hành kèm theo quyết định này là quy định quản lý xây dựng theo đồ án được phê duyệt (đính kèm).

**8. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã:**

Quy hoạch chung xây dựng xã được thực hiện trong giai đoạn 2019-2030, trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch, nguồn vốn... để triển khai dự án theo quy hoạch được duyệt.

**Điều 2.** Giao chủ đầu tư ( UBND xã Long Đức) phối hợp với phòng Quản lý đô thị tổ chức công bố nội dung quy hoạch này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện đúng quy định.

Giao phòng Quản lý Đô thị thành phố phối hợp với các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Long Đức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nhắc nhở các đơn vị liên quan thực hiện theo các nội dung đã được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Thành ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng phòng Quản lý Đô thị thành phố, Thủ trưởng các ban ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Đức (Chủ đầu tư) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././. *smly*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: XD, TNMT, KHĐT;
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP (Khối Đô thị);
- Như điều 4;
- BLĐ. VP, đ/c Thường;
- Lưu VT. *smly*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tăng Thị Đẹp**